PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ CÔNG THƯƠNG

BỘ CÔNG THƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 24/2015/TT-BCT	*Hà Nội, ngày 31 tháng 7 năm 2015*

THÔNG TƯ
Quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi đối với người lao động làm các công việc có tính chất đặc biệt trong lĩnh vực thăm dò, khai thác dầu khí trên biển

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Bộ luật lao động số 10/2012/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Dầu khí năm 1993; Luật số 19/2000/QH10 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dầu khí và Luật số 10/2008/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dầu khí;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ sau khi thống nhất với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi đối với người lao động làm các công việc có tính chất đặc biệt trong lĩnh vực thăm dò, khai thác dầu khí trên biển.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi đối với người lao động làm các công việc có tính chất đặc biệt trong lĩnh vực thăm dò, khai thác dầu khí trên biển.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người sử dụng lao động là doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân có thuê mướn, sử dụng lao động hoạt động trong lĩnh vực thăm dò, khai thác dầu khí trên biển.

2. Người lao động làm việc tại các công trình dầu khí trên biển.

3. Người lao động thuộc các chức danh thuyền viên không thuộc đối tượng điều chỉnh của Thông tư này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Công trình dầu khí trên biển* bao gồm các phương tiện nổi, tổ hợp các thiết bị, các kết cấu công trình được xây dựng trang bị và lắp đặt cố định, tạm thời trên biển để phục vụ các hoạt động dầu khí.

2. *Phiên làm việc* là khoảng thời gian làm việc của người lao động được tính liên tục từ khi có mặt đến khi rời khỏi công trình dầu khí trên biển nhưng không bao gồm thời gian đi đường.

3. *Ca làm việc* là khoảng thời gian làm việc của người lao động từ khi bắt đầu nhận nhiệm vụ cho đến khi bàn giao nhiệm vụ cho người khác, bao gồm: thời giờ làm việc và thời gian nghỉ giữa giờ.

Chương II
THỜI GIỜ LÀM VIỆC, THỜI GIỜ NGHỈ NGƠI

Mục 1
THỜI GIỜ LÀM VIỆC

Điều 4. Thời giờ làm việc đối với người lao động làm việc thường xuyên

1. Người lao động làm việc thường xuyên theo phiên và theo ca làm việc, cụ thể như sau:

a) Ca làm việc tối đa 12 giờ;

b) Phiên làm việc tối đa 28 ngày.

2. Người sử dụng lao động có trách nhiệm quy định cụ thể ca làm việc và phiên làm việc tại công trình dầu khí trên biển vào Nội quy lao động và thông báo cho người lao động trước khi đến làm việc.

Điều 5. Thời giờ làm việc đối với người lao động làm việc không thường xuyên

1. Thời giờ làm việc tiêu chuẩn

Tổng số giờ làm việc tiêu chuẩn trong 1 năm của người lao động làm việc không thường xuyên được tính như sau:

$$SGLVN = \frac{(SNN - SNHN) \times 12h}{2}$$

Trong đó: SGLVN: Số giờ làm việc chuẩn trong năm

SNN: Số ngày trong năm

SNHN: Số ngày nghỉ hàng năm của người lao động theo quy định của Bộ luật lao động

Trường hợp người lao động chưa làm đủ 12 tháng trong năm, số ngày trong năm (SNN) và số ngày nghỉ hàng năm (SNHN) được tính tỷ lệ theo thời gian làm việc từ thời điểm người lao động bắt đầu làm việc cho người sử dụng lao động trong năm đấy.

Ví dụ 1: Anh A làm việc cho Công ty Dầu khí X liên tục từ năm 1999 đến 2015.

Số ngày nghỉ hàng năm tăng thêm tương ứng với 16 năm làm việc là 3 ngày.

Số ngày nghỉ hàng năm của anh A trong năm 2015 theo quy định của Bộ luật lao động là: SNHN = 12 + 3 = 15 ngày

Tổng số ngày trong năm 2015: SNN = 365 ngày

Vậy số giờ làm việc chuẩn trong năm 2015 của anh A sẽ là:

$$\text{SGLVN} = \frac{(365 - 15) \times 12\text{h}}{2} = 2100 \text{ giờ}$$

Ví dụ 2: Anh B làm việc cho Công ty Dầu khí Y từ ngày 01/4/2015.

Số ngày nghỉ hàng năm của anh B tại công ty Dầu khí Y trong năm 2015 theo quy định của Bộ luật lao động là: SNHN = 12 x 9/12 = 9 ngày

Tổng số ngày còn lại trong năm 2015 là: SNN = 275 ngày

Vậy số giờ làm việc chuẩn trong năm 2015 của anh B sẽ là:

$$\text{SGLVN} = \frac{(275 - 9) \times 12\text{h}}{2} = 1596 \text{ giờ}$$

2. Khi làm việc trên công trình dầu khí trên biển, người lao động làm việc không thường xuyên theo phiên và theo ca làm việc, cụ thể như sau:

a) Ca làm việc tối đa 12 giờ;

b) Phiên làm việc tối đa 45 ngày.

3. Người sử dụng lao động thỏa thuận với người lao động về ca làm việc và phiên làm việc trước khi cử người lao động làm việc không thường xuyên trên công trình dầu khí trên biển.

4. Trong thời gian không làm việc trên công trình dầu khí trên biển, người lao động làm việc không thường xuyên được bố trí nghỉ bù hoặc thực hiện công việc trên đất liền theo quy định pháp luật về lao động.

5. Tổng số giờ làm việc bình thường trong năm của người lao động làm việc không thường xuyên không được vượt quá thời giờ làm việc tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 6. Làm thêm giờ

1. Thời gian làm việc ngoài ca làm việc hoặc ngoài phiên làm việc quy định tại Khoản 1 Điều 4 đối với người lao động làm việc thường xuyên được tính là thời

gian làm thêm giờ. Thời gian làm việc ngoài ca làm việc hoặc ngoài phiên làm việc quy định tại Khoản 2 Điều 5 hoặc thời gian làm việc vượt quá số giờ làm việc tiêu chuẩn trong năm quy định tại Khoản 1 Điều 5 đối với người lao động làm việc không thường xuyên được tính là thời gian làm thêm giờ.

2. Tổng số giờ làm việc và giờ làm thêm của người lao động không quá 14 giờ/ngày.

3. Số giờ làm thêm của người lao động không vượt quá 50 giờ/phiên làm việc và trong mọi trường hợp không vượt quá 300 giờ/năm.

Điều 7. Làm thêm giờ trong trường hợp đặc biệt

1. Trường hợp đặc biệt gồm: thực hiện lệnh động viên, huy động đảm bảo nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, an ninh; thực hiện các công việc nhằm bảo vệ tính mạng con người, tài sản và môi trường xung quanh công trình dầu khí trong phòng ngừa và khắc phục hậu quả thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, thảm họa.

2. Trong trường hợp đặc biệt, người sử dụng lao động có quyền yêu cầu người lao động làm thêm giờ vào bất kỳ ngày nào mà không bị tính vào giới hạn số giờ làm thêm trong ngày và số ngày làm việc trong phiên theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 6.

3. Người sử dụng lao động phải trả lương và các chế độ khác về làm thêm giờ cho người lao động.

Mục 2
THỜI GIỜ NGHỈ NGƠI

Điều 8. Thời giờ nghỉ ngơi

1. Sau mỗi ca làm việc trên biển, người lao động được bố trí nghỉ liên tục tối thiểu 10 giờ trước khi bắt đầu ca làm việc mới.

2. Người sử dụng lao động có trách nhiệm bố trí thời gian nghỉ giải lao giữa ca làm việc tính vào thời giờ làm việc, trong đó tổng thời gian nghỉ giữa ca làm việc tối thiểu 60 phút.

3. Ngoài thời gian nghỉ giữa ca làm việc, sau mỗi phiên làm việc, người lao động làm việc thường xuyên được bố trí nghỉ liên tục với số ngày bằng với số ngày làm việc trong phiên làm việc trước đó. Người lao động làm việc không thường xuyên được bố trí nghỉ phù hợp với tình hình công việc, nhưng không được thấp hơn 5 ngày liên tục.

Điều 9. Nghỉ hàng năm

1. Người lao động được nghỉ hàng năm, ngoài thời gian nghỉ giữa phiên làm việc, phù hợp với quy định pháp luật về lao động.

2. Trường hợp không thể bố trí nghỉ hàng năm cho người lao động, người sử dụng lao động thỏa thuận với người lao động về việc nghỉ hàng năm vào thời gian nghỉ giữa các phiên.

Điều 10. Nghỉ Lễ, Tết; Nghỉ việc riêng; Nghỉ không hưởng lương

1. Người lao động được bố trí nghỉ Lễ, Tết; nghỉ việc riêng và nghỉ không hưởng lương phù hợp với quy định pháp luật về lao động.

2. Trường hợp ngày nghỉ Lễ, Tết trùng với phiên làm việc, người lao động được thanh toán tiền lương làm thêm giờ phù hợp với quy định của pháp luật.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Vụ Tổ chức cán bộ - Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan để hướng dẫn, giám sát, kiểm tra việc thực hiện các quy định tại Thông tư này.

2. Người sử dụng lao động có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Thông tư này và các chế độ có liên quan.

3. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn, chỉ đạo các đơn vị thành viên, các doanh nghiệp liên doanh, liên kết thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thực hiện các quy định tại Thông tư này.

4. Người sử dụng lao động có trách nhiệm báo cáo Bộ Công Thương định kỳ trước ngày 15 tháng 01 hàng năm và báo cáo đột xuất trong trường hợp có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền về tình hình thực hiện các quy định tại Thông tư này.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2015.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có gì vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Công Thương để xem xét, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Cao Quốc Hưng